

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 4 - 2021

“V/v ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Từ Thanh Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Việt Thắng

Bà Nguyễn Thị Loan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn và nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 80/2021 ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Anh Châu Văn H, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh C.

Chỗ ở: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh C.

*Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2021 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:***

- Về hôn nhân: Vào năm 2015 chị N và anh H tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (tại giấy chứng nhận kết hôn số: 77/2015 ngày 06/04/2015). Thời kỳ chung sống giữa chị N và anh H có 02 con chung tên Châu Nhật Huy, sinh ngày 10/3/2016 và Châu Bảo Ngọc, sinh ngày 03/02/2019, con hiện sống chung với chị N.

Nguyên nhân mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị N yêu cầu được nuôi dạy hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đối với bị đơn anh Châu Văn H:** Tòa án đã triệu tập anh H hai lần để hòa giải và hai lần để xét xử nhưng anh H vắng mặt không rõ lý do nên không ghi nhận được ý kiến của anh H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn và nuôi con, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là “Ly hôn và nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Trần Văn Thời, nội dung tranh chấp là việc “Ly hôn và nuôi con”, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về thủ tục: Chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh H đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai không có mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] Xét về yêu cầu ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiền bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau; nhưng chị N và anh H không làm được điều đó mà lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị N đã xác định không thể hàn gắn được, cả hai bên đều không có thiện chí hàn gắn trở lại và chị N thể hiện ý chí cương quyết ly hôn với anh H. Hơn nữa Tòa án đã triệu tập anh H để hòa giải nhưng anh H vẫn vắng mặt, như vậy xác định anh H không quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng với chị N. Do đó xác định chị N và anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, nên cần chấp nhận cho ly hôn giữa chị N và anh H là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét về con chung: Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cháu Châu Nhật Huy, sinh ngày 10/3/2016 và cháu

Châu Bảo Ngọc, sinh ngày 03/02/2019, đang được chị N nuôi dưỡng; việc này Tòa án đã thông báo cho anh H biết nội dung khởi kiện của chị N nhưng anh H không có ý kiến về vấn đề nuôi con, từ khi chị N và anh H ly thân đến nay cháu Huy và cháu Ngọc được chị N nuôi dạy, theo đơn xin ly hôn chị N cũng xác định có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm nom, giáo dục các con, nên chấp nhận giao cháu Châu Nhật Huy, sinh ngày 10/3/2016 và cháu Châu Bảo Ngọc, sinh ngày 03/02/2019 cho chị N nuôi dạy là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này, anh H phải tôn trọng quyền của các con chung được sống với chị N là phù hợp với Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Xét về yêu cầu cấp dưỡng: Do chị N xác định đủ điều kiện nuôi các con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi các con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét về tài sản chung và nợ chung: Chị N cho rằng tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, phần nợ người khác là không có. Hội đồng xét thấy quá trình thụ lý vụ án không ghi nhận ý kiến của anh H nên chưa xác định được tài sản và nợ chung của vợ chồng, do đó cần tách phần tài sản ra nếu sau này anh H có yêu cầu mà có căn cứ thì giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[8] Xét về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị N đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu đối trừ.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N.  
- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Hồng N và anh Châu Văn H.  
- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Hồng N nuôi dạy các con chung là cháu Châu Nhật Huy, sinh ngày 10/3/2016 và Châu Bảo Ngọc, sinh ngày 03/02/2019; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này và anh H phải tôn trọng quyền của các con chung được sống với chị N.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị N đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0004627 ngày 17/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu đối trừ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)**

**Từ Thanh Nhung**